ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2268 /QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 13 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý Nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2161/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 338/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc ban hành Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030" và số 444/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc giao chỉ tiêu hoàn thành nhà ở xã hội trong năm 2025 và các năm tiếp theo đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3705/TTr-SXD ngày 13 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040 với nội dung chính tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 (t/h);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT, CNN&XD. Hiên.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Linh

PHỤ LỤC: NỘI DUNG CHÍNH
Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040
(Kèm theo Quyết định số 2268 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. TÊN CHƯƠNG TRÌNH, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1. Tên chương trình: Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040.

2. Phạm vi nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu

- Phạm vi nghiên cứu: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Đối tượng nghiên cứu: Các khu vực phường, xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên dự kiến phát triển nhà ở theo dự án.

II. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

1. Điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030

1.1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển nhà ở đáp ứng nhu cầu về xây mới và cải tạo nhà ở của người dân trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030.

- Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở, đa dạng về mức giá, đặc biệt là nhà ở có giá phù hợp với khả năng chi trả của hộ gia đình có thu nhập thấp và các đối tượng được hưởng chính sách về nhà ở xã hội.

- Phát triển thị trường bất động sản nhà ở trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính bền vững, minh bạch dưới sự điều tiết, giám sát của Nhà nước, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; hạn chế tình trạng đầu cơ, lãng phí tài nguyên đất trong phát triển nhà ở.

1.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Phát triển diện tích nhà ở

- Giai đoạn 2021 - 2025: Phát triển mới khoảng 10,92 triệu m^2 sàn nhà ở, nâng tổng diện tích sàn nhà ở trên địa bàn tỉnh lên khoảng hơn 52,71 triệu m^2 sàn. Đến năm 2025, diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh phấn đấu đạt khoảng 30,5 m^2 sàn/người, trong đó khu vực đô thị 35,3 m^2 sàn/người và khu vực nông thôn 27,5 m^2 sàn/người.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Phát triển mới khoảng 12,86 triệu m^2 sàn nhà ở, nâng tổng diện tích sàn nhà ở trên địa bàn tỉnh lên khoảng hơn 65,57 triệu m^2 sàn. Đến năm 2030, diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh phấn đấu đạt khoảng 35,0 m^2 sàn/người, trong đó khu vực đô thị 37,5 m^2 sàn/người và khu vực nông thôn 32,0 m^2 sàn/người.

- Diện tích sàn nhà ở tối thiểu: Giai đoạn 2021 - 2030, phấn đấu diện tích sàn nhà ở tối thiểu trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 15 m^2 sàn/người đối với nhà ở phát triển theo dự án và đạt khoảng 08 m^2 sàn/người đối với nhà ở của hộ gia đình, cá nhân.

b) Nâng cao chất lượng nhà ở

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tiếp tục nâng cao chất lượng nhà ở trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố trên địa bàn tỉnh đạt trên 97,0%; tại khu vực đô thị, xóa bỏ hoàn toàn nhà ở thiếu kiên cố và nhà ở đơn sơ; tại khu vực nông thôn, không để phát sinh mới nhà ở thiếu kiên cố, nhà ở đơn sơ.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Phấn đấu xóa bỏ hoàn toàn nhà ở thiếu kiên cố và nhà ở đơn sơ trên địa bàn tỉnh.

c) Phát triển nhà ở thương mại

- Giai đoạn 2021 - 2025: Hoàn thành khoảng 8.000 căn nhà ở thương mại do chủ đầu tư xây dựng để kinh doanh với tổng diện tích sàn khoảng 1,52 triệu m^2.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Hoàn thành khoảng 20.000 căn nhà ở thương mại do chủ đầu tư xây dựng để kinh doanh với tổng diện tích sàn khoảng 04 triệu m^2.

d) Phát triển nhà ở xã hội

- Giai đoạn 2021 - 2025: Hoàn thành 1.084 căn hộ nhà ở xã hội; tiếp tục chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn chủ đầu tư thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội mới để hoàn thành, cung cấp sản phẩm nhà ở xã hội cho thị trường trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Hoàn thành khoảng 23.716 căn hộ nhà ở xã hội; tiếp tục chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn chủ đầu tư thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội mới để hoàn thành, cung cấp sản phẩm nhà ở xã hội cho thị trường trong giai đoạn sau năm 2030.

đ) Phát triển nhà ở công vụ

- Giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện rà soát, đánh giá hiện trạng sử dụng đối với quỹ nhà ở công vụ hiện hữu để thực hiện cải tạo, sửa chữa; không phát triển mới quỹ nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh.

- Giai đoạn 2026 - 2030:

+ Dự kiến phát triển mới 178 căn nhà ở công vụ do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện đầu tư xây dựng để bố trí cho lực lượng vũ trang.

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, trường hợp phát sinh người có đủ điều kiện được hưởng chính sách nhà ở công vụ do luân chuyển, điều động thì Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị chủ động xem xét, bố trí chỗ ở phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

e) Phát triển nhà ở phục vụ tái định cư

Giai đoạn 2021 - 2030: Không thực hiện đầu tư xây dựng quỹ nhà ở tái định cư theo dự án mà chủ yếu thực hiện bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và xem xét kết hợp các hình thức bố trí nhà ở phục vụ tái định cư khác theo quy định của pháp luật về nhà ở, phù hợp với điều kiện cụ thể theo từng thời kỳ, từng khu vực.

g) Hỗ trợ nhà ở theo chương trình mục tiêu

- Giai đoạn 2021 - 2025: Hoàn thành hỗ trợ về nhà ở cho 350 hộ gia đình người có công với cách mạng theo chương trình mục tiêu của Chính phủ; hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát cho 7.406 hộ gia đình người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Tiếp tục thực hiện và hoàn thành hỗ trợ về nhà ở theo các chương trình mục tiêu của Chính phủ *(nếu có).*

h) Phát triển nhà ở của hộ gia đình, cá nhân

Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân trong điều kiện cho phép thực hiện xây mới, sửa chữa, cải tạo nhà ở để tự đáp ứng nhu cầu về nhà ở.

i) Cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư

- Giai đoạn 2021 - 2025: Cơ bản hoàn thành di dời các hộ dân sinh sống tại nhà chung cư cũ thuộc phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Lập kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đối với 03 nhà chung cư A1, A2, A3 Dốc Hanh thuộc phường Tích Lương và nhà chung cư số 10, nhà chung cư số 01 thuộc phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư được tích hợp vào kế hoạch phát triển nhà ở của giai đoạn theo quy định.

2. Nhu cầu về nguồn vốn để phát triển nhà ở

a) Giai đoạn 2021 - 2025: Tổng nguồn vốn để phát triển nhà ở cần huy động khoảng 76.022,29 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: Khoảng 126,77 tỷ đồng để thực hiện hỗ trợ về nhà ở đối với 350 hộ gia đình người có công với cách mạng *(15,39 tỷ đồng);* hỗ trợ thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát *(111,38 tỷ đồng).*

- Nguồn vốn của doanh nghiệp, người dân: Khoảng 75.895,52 tỷ đồng.

b) Giai đoạn 2026 - 2030: Tổng nguồn vốn để phát triển nhà ở cần huy động khoảng 101.189,10 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an: Khoảng 84,73 tỷ đồng để đầu tư xây dựng nhà ở công vụ cho lực lượng vũ trang.

- Nguồn vốn của doanh nghiệp, người dân: Khoảng 101.104,37 tỷ đồng.

3. Dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công vụ

a) Dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở xã hội

- Đối với nhà ở xã hội phát triển theo dự án để bán, cho thuê mua:

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Diện tích đất ở cần bố trí khoảng 7,10 ha và diện tích đất hạ tầng kỹ thuật khoảng 15,30 ha.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Diện tích đất ở cần bố trí khoảng 37,21 ha và diện tích đất hạ tầng kỹ thuật khoảng 86,82 ha.

- Đối với nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện rà soát, xác định diện tích đất thương mại dịch vụ tại các khu công nghiệp phục vụ phát triển nhà lưu trú công nhân để giao đất và thực hiện đầu tư xây dựng trong giai đoạn sau.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Diện tích đất thương mại dịch vụ trong các khu công nghiệp cần bố trí 4,67 ha để xây dựng công trình nhà lưu trú cho công nhân trong khu công nghiệp và 10,89 ha để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật tối thiểu phục vụ khu nhà lưu trú.

b) Dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở công vụ

Giai đoạn 2026 - 2030: Diện tích đất ở cần bố trí khoảng 0,83 ha để thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở công vụ cho lực lượng vũ trang.

4. Xác định các khu vực dự kiến phát triển nhà ở theo dự án

- Các khu vực dự kiến phát triển nhà ở theo dự án trên địa bàn tỉnh được tổng hợp theo từng khu vực đơn vị hành chính cấp xã.

- Diện tích đất dự kiến đối với từng khu vực được xác định trên cơ sở các vị trí được định hướng phát triển khu dân cư hoặc đơn vị ở đối với khu vực các phường và xác định trên cơ sở các vị trí được định hướng tổ chức không gian khu dân cư đối với khu vực các xã *(theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt hoặc định hướng quy hoạch dự kiến).*

- Qua rà soát, xác định trên địa bàn tỉnh có 92 khu vực dự kiến phát triển nhà ở theo dự án *(15 phường và 77 xã)* với tổng diện tích sử dụng đất dự kiến khoảng 15.718,63 ha *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

5. Các giải pháp trọng tâm để thực hiện chương trình điều chỉnh

- Giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách về nhà ở

Ban hành các quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện thuộc thẩm quyền của tỉnh để cụ thể hóa các cơ chế, chính sách về nhà ở, đất ở ngay sau khi các quy định của pháp luật được sửa đổi, bổ sung. Xem xét bổ sung các cơ chế,

chính sách ưu đãi đầu tư áp dụng riêng trên địa bàn tỉnh, phù hợp với các quy định của pháp luật và điều kiện cụ thể của tỉnh trong từng giai đoạn tạo sức hấp dẫn để huy động vốn phát triển hạ tầng đô thị, khu dân cư, chú trọng xã hội hóa đầu tư xây dựng.

- Giải pháp về quy hoạch, quỹ đất

Nâng cao chất lượng các đồ án quy hoạch xây dựng để làm cơ sở triển khai các dự án nhà ở, dự án khu đô thị đảm bảo chất lượng, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đầy đủ hạ tầng xã hội thiết yếu. Rà soát và thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy chế quản lý quy hoạch đô thị phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế làm cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước, quản lý quy hoạch thực hiện theo quy định.

Khi lập, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, quy hoạch xây dựng khu nghiên cứu, đào tạo phải xác định rõ diện tích đất xây dựng nhà ở.

- Nâng cao năng lực phát triển nhà ở theo dự án

Nâng cao năng lực của chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở thông qua bổ sung quy định về các điều kiện cần đáp ứng của nhà đầu tư bảo đảm chủ đầu tư phải có đủ chức năng, năng lực, kinh nghiệm thực hiện các dự án nhà ở.

Tăng cường hiệu quả và tính công khai, minh bạch trong quá trình lựa chọn chủ đầu tư; theo đó, chủ yếu thực hiện thông qua phương thức đấu giá, đấu thầu các dự án phát triển đô thị, phát triển nhà ở,… . Bổ sung quy định về khung tiêu chuẩn đánh giá với một số tiêu chí quan trọng cần áp dụng thống nhất trong lựa chọn chủ đầu tư với từng loại hình dự án.

Tăng cường kiểm tra, giám sát và có biện pháp áp dụng các chế tài để đảm bảo chủ đầu tư thực hiện đúng những cam kết, nghĩa vụ, nội dung được phê duyệt trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và phối hợp với chủ đầu tư các dự án để đưa ra các biện pháp tháo gỡ nhằm đảm bảo tiến độ triển khai và hiệu quả của các dự án.

- Giải pháp về nguồn vốn và thuế

Huy động đa dạng các nguồn vốn để phát triển nhà ở cho các đối tượng chính sách, cho các chương trình mục tiêu về nhà ở.

Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi về thuế liên quan đến phát triển nhà ở và các ưu đãi khác theo pháp luật về thuế và pháp luật về nhà ở.

- Các giải pháp khác *(Cụ thể theo thuyết minh điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040).*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phối hợp thực hiện Chương trình, giám sát các dự án đầu tư cụ thể trên địa bàn; thường xuyên đôn đốc việc thực hiện theo đúng lộ trình. Cụ thể:

1. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và địa phương xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm sau khi chương trình phát triển nhà ở được phê duyệt; nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành các mẫu thiết kế nhà ở.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung quỹ đất dành để phát triển nhà ở theo chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở.

Rà soát, xây dựng, đề xuất bổ sung chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm của tỉnh.

Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về nhà ở và kinh doanh bất động sản.

2. Các Sở, ngành có liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình phát triển nhà ở của tỉnh và các cơ chế chính sách có liên quan đến phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Tổ chức, chỉ đạo triển khai chương trình phát triển nhà ở và thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn. Tổng hợp kết quả thực hiện chương trình phát triển nhà trên địa bàn và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ.

Phối hợp với Sở Xây dựng lập kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm trên cơ sở chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt; rà soát và lập mới quy hoạch chi tiết xây dựng các khu nhà ở trên địa bàn đảm bảo phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện việc hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách của các xã trên địa bàn./.

(Có Thuyết minh điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040).

BIỂU XÁC ĐỊNH KHU VỰC DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THEO DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2021-2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2040

(Kèm theo Phụ lục nội dung chính tại Quyết định số 2268 /QĐ-UBND ngày 13 / 12 /2025 của UBND tỉnh)

STT	Khu vực dự kiến phát triển nhà ở theo dự án	Diện tích khu đất dự kiến (ha)	Ghi chú
1	Phường Phan Đình Phùng	332,36	Vị trí cụ thể được xác định phù hợp với quy hoạch xây dựng được phê duyệt
2	Phường Linh Sơn	693,84	
3	Phường Tích Lương	824,00	
4	Phường Gia Sàng	150,58	
5	Phường Quyết Thắng	671,46	
6	Phường Quan Triều	406,16	
7	Xã Tân Cương	868,04	
8	Xã Đại Phúc	875,60	
9	Xã Đại Từ	475,48	
10	Xã Đức Lương	14,50	
11	Xã Phú Thịnh	15,00	
12	Xã La Bằng	235,19	
13	Xã Phú Lạc	52,32	
14	Xã An Khánh	266,97	
15	Xã Quân Chu	828,28	
16	Xã Vạn Phú	86,59	
17	Xã Phú Xuyên	56,83	
18	Phường Phổ Yên	260,65	
19	Phường Vạn Xuân	860,34	
20	Phường Trung Thành	324,77	
21	Phường Phúc Thuận	275,00	
22	Xã Thành Công	600,00	
23	Xã Phú Bình	574,08	
24	Xã Tân Thành	782,72	
25	Xã Điềm Thụy	599,20	
26	Xã Kha Sơn	145,86	
27	Xã Tân Khánh	107,24	
28	Xã Đồng Hỷ	434,11	
29	Xã Quang Sơn	35,00	
30	Xã Trại Cau	49,00	

STT	Khu vực dự kiến phát triển nhà ở theo dự án	Diện tích khu đất dự kiến (ha)	Ghi chú
31	Xã Nam Hòa	38,00	Vị trí cụ thể được xác định phù hợp với quy hoạch xây dựng được phê duyệt
32	Xã Văn Hán	20,22	
33	Xã Văn Lăng	15,00	
34	Phường Sông Công	471,64	
35	Phường Bá Xuyên	1.039,14	
36	Phường Bách Quang	455,59	
37	Xã Phú Lương	104,63	
38	Xã Vô Tranh	129,87	
39	Xã Yên Trạch	70,00	
40	Xã Hợp Thành	10,09	
41	Xã Định Hóa	22,50	
42	Xã Bình Yên	20,00	
43	Xã Trung Hội	20,00	
44	Xã Phượng Tiến	13,60	
45	Xã Phú Đình	18,10	
46	Xã Bình Thành	12,40	
47	Xã Kim Phượng	19,70	
48	Xã Lam Vỹ	10,00	
49	Xã Võ Nhai	31,61	
50	Xã Dân Tiến	15,00	
51	Xã Nghinh Tường	10,00	
52	Xã Thần Sa	56,40	
53	Xã La Hiên	13,37	
54	Xã Tràng Xá	15,00	
55	Xã Sảng Mộc	10,00	
56	Phường Bắc Kạn	86,84	
57	Phường Đức Xuân	74,86	
58	Xã Yên Bình	5,30	
59	Xã Chợ Mới	72,20	
60	Xã Thanh Thịnh	56,14	
61	Xã Thanh Mai	16,40	
62	Xã Tân Kỳ	10,00	
63	Xã Xuân Dương	9,89	
64	Xã Côn Minh	32,40	
65	Xã Trần Phú	22,31	
66	Xã Na Rì	6,20	

STT	Khu vực dự kiến phát triển nhà ở theo dự án	Diện tích khu đất dự kiến (ha)	Ghi chú
67	Xã Cường Lợi	5,38	Vị trí cụ thể được xác định phù hợp với quy hoạch xây dựng được phê duyệt
68	Xã Văn Lang	67,79	
69	Xã Phong Quang	55,00	
70	Xã Bạch Thông	13,00	
71	Xã Vĩnh Thông	7,27	
72	Xã Cẩm Giàng	19,46	
73	Xã Phủ Thông	47,60	
74	Xã Nghĩa Tá	48,00	
75	Xã Yên Phong	10,00	
76	Xã Chợ Đồn	21,94	
77	Xã Yên Thịnh	35,00	
78	Xã Quảng Bạch	10,00	
79	Xã Nam Cường	22,75	
80	Xã Hiệp Lực	15,00	
81	Xã Nà Phặc	15,00	
82	Xã Ngân Sơn	90,79	
83	Xã Bằng Vân	15,32	
84	Xã Thượng Quan	30,00	
85	Xã Đồng Phúc	54,23	
86	Xã Thượng Minh	10,00	
87	Xã Phúc Lộc	10,00	
88	Xã Chợ Rã	63,87	
89	Xã Ba Bể	50,00	
90	Xã Cao Minh	20,00	
91	Xã Nghiên Loan	10,00	
92	Xã Bằng Thành	35,67	
TỔNG CỘNG		**15.718,64**	